

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(Ban hành kèm theo Bản công bố số: *SJF*CV-TTYT, ngày *23* tháng 9 năm 2025 của Trung tâm Y tế khu vực Lục Yên)

| STT      | Họ và tên        | Chức danh                | Số CCHN        | Phạm vi hoạt động chuyên môn                                                                       | Số năm kinh nghiệm | Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành |
|----------|------------------|--------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Bác sỹ</b>    |                          |                |                                                                                                    |                    |                                                                  |
| 1        | Trần Trung Thành | Bác sỹ CK 1 – Ngoại khoa | 000258/YB-CCHN | Khám chữa bệnh chuyên khoa RHM; Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại                                   | 27                 | 5                                                                |
| 2        | Hoàng Văn Gia    | Bác sỹ CK I -YTCC        | 000208/YB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa; Khám chữa bệnh nội khoa, siêu âm chẩn đoán                                 | 33                 | 5                                                                |
| 3        | Lê Thị Hạnh      | Bác sỹ CK1-TMH           | 000925/YB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chứng chỉ Nội soi TMH; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng | 27                 | 5                                                                |
| 4        | Hoàng Anh Tuấn   | Bác sỹ CK1-Nhãn khoa     | 001638/YB-CCHN | Khám chữa bệnh đa khoa; khám chữa bệnh chuyên khoa mắt; siêu âm.                                   | 19                 | 5                                                                |

|    |                     |                    |                 |                                                                                                                                                                                |    |   |
|----|---------------------|--------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|
| 5  | Lê Minh Phụng       | Bác sỹ             | 002802/YB-CCHN  | Khám chữa bệnh đa khoa, thực hiện quy trình kỹ thuật ghi, đọc điện não đồ, lưu huyết não; Chứng chỉ đo lưu huyết não, điện não đồ, siêu âm Doppler mạch máu, đo độ loãng xương | 19 | 5 |
| 6  | Lê Anh Thi          | Bác sỹ             | 001775/YB-CCHN  | Khám chữa bệnh đa khoa; chứng chỉ điện tim, chẩn đoán, điều trị bệnh tuyến giáp và một số bệnh nội tiết thường gặp; Điện tim, điều trị bệnh nhân tiểu đường, tuyến giáp.       | 18 | 5 |
| 7  | Triệu Thị Diệu Linh | Bác sỹ CK1 -Nội.   | 003870/YB-CCHN  | Khám chữa bệnh đa khoa; Chứng chỉ siêu âm tim, điện tâm đồ                                                                                                                     | 5  | 5 |
| 8  | Hoàng Thị Thuận     | Bác sỹ CK1 – HSCC. | 003871/YB-CCHN  | Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa HSCC.                                                                                                                                      | 5  | 5 |
| 9  | Hà Thị Ngọc         | Bác sỹ             | 0006336/PT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                                   | 2  | 5 |
| 10 | Dương Thị Hà        | Bác sỹ             | 004165/YB-CCHN  | Khám chữa bệnh đa khoa                                                                                                                                                         | 3  | 5 |
| 11 | Hoàng Văn Yên       | Bác sỹ CK1 GMHS    | 000211/YB-CCHN  | Khám chữa bệnh chuyên khoa RHM; Chứng chỉ, phẫu thuật chỉnh hình xương; Chuyên khoa gây mê HS; cấp cứu Ngoại- chấn thương                                                      | 33 | 5 |
| 12 | Phùng Quang Phái    | Bác sỹ             | 003237/YB-CCHN  | Khám chữa bệnh đa khoa; Chứng chỉ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình, phẫu thuật nội soi ổ bụng, Điện tim                                                                       | 16 | 5 |
| 13 | Trịnh Văn Thanh     | Bác sỹ CK1 Ngoại   | 000923/YB-CCHN  | Khám chữa bệnh bằng YHCT; Chứng chỉ khám chữa bệnh đa khoa; Phẫu thuật ngoại; Phẫu thuật nội soi ổ bụng                                                                        | 18 | 5 |
| 14 | Nguyễn Quang        | Bác sỹ             | 001646/YB-      | Khám chữa bệnh đa khoa; Chứng chỉ khám                                                                                                                                         | 19 | 5 |

|    | Trung                   | CK1 –<br>GMHS                   | CCHN               | chữa bệnh chuyên khoa gây mê hồi sức; hồi<br>sức cấp cứu                                                                  |    |   |
|----|-------------------------|---------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|
| 15 | Đào Sơn Tùng            | Bác sỹ<br>CK1 Ngoại             | 003249/YB-<br>CCHN | BSCK1- Ngoại. Khám chữa bệnh đa khoa;<br>Chứng chỉ phẫu thuật nội soi ngoại khoa cơ<br>bản                                | 5  | 5 |
| 16 | Trương Thị Minh<br>Xuân | Bác sỹ<br>CK1- Sản<br>phụ khoa. | 000221/YB-<br>CCHN | Khám chữa bệnh Phụ khoa, Chứng chỉ Siêu<br>âm, Phẫu thuật sản; Siêu âm chẩn đoán trong<br>sản phụ khoa, siêu âm tổng quát | 33 | 5 |
| 17 | Hoàng Thị Thịnh         | Bác sỹ                          | 003448/YB-<br>CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                              | 13 | 5 |
| 18 | Trần Văn Huân           | Bác sỹ                          | 003672/YB-<br>CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chứng chỉ<br>Phẫu thuật Sản khoa, Siêu âm sản                                               | 6  | 5 |
| 19 | Hoàng Tiến Đạt          | Bác sỹ<br>CK1- Sản<br>phụ khoa  | 003689/YB-<br>CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chứng chỉ<br>Siêu âm sản phụ khoa; Khám bệnh, chữa bệnh<br>chuyên khoa sản phụ khoa         | 5  | 5 |
| 20 | Trần Thị Thu Hà         | Bác sỹ<br>CK1 Nhi<br>khoa       | 000926/YB-<br>CCHN | Khám chữa bệnh hệ Nội - Nhi; Chứng chỉ<br>Điện tim, HSCC; Hồi sức cấp cứu, điện tâm<br>đồ                                 | 20 | 5 |
| 21 | Nguyễn Thị Lan<br>Anh   | Bác sỹ<br>CK1 Nhi<br>khoa       | 003447/YB-<br>CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                              | 8  | 5 |
| 22 | Ma Thị Thúy Trà         | Bác sỹ                          | 003897/YB-<br>CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám chữa<br>bệnh lao                                                                       | 5  | 5 |
| 23 | Đỗ Xuân Hùng            | Bác sỹ CK<br>I YHCT-<br>PHCN    | 000885/YB-<br>CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh hệ Nội; Chứng chỉ<br>chuyên khoa X-quang                                                             | 34 | 5 |

|            |                       |                                 |                 |                                                                                                                                                  |    |   |
|------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|
| 24         | Đoàn Thu Hà           | Bác sỹ CK I YHCT- PHCN          | 002966/YB-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT                                                                                                                   | 10 | 5 |
| 25         | Bùi Bá Duy            | Bác sỹ                          | 002965/YB-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Chứng chỉ Bs định hướng phục hồi chức năng; Khám bệnh, chữa bệnh bằng phục hồi chức năng                         | 10 | 5 |
| 26         | Lý Đạt Tiếng          | Bác sỹ                          | 001648/YB-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chứng chỉ Siêu âm, gây mê, RHM; Khám chữa bệnh chuyên khoa RHM, thực hiện một số kỹ thuật Gây mê hồi sức           | 39 | 5 |
| 27         | Trần Trọng Ninh       | Bác sỹ                          | 003842/YB-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chứng chỉ Siêu âm tổng quát, siêu âm sản phụ khoa                                                                  | 6  | 5 |
| 28         | Nguyễn Văn Huân       | Bác sỹ                          | 0002130/YB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chứng chỉ khám bệnh, chữa bệnh nội tiết                                                                            | 21 | 5 |
| 29         | Đoàn Thị Nga          | Bác sỹ                          | 004222/YB-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chứng chỉ Nội soi Tai - Mũi- Họng; khám bệnh Lao                                                                   | 12 | 5 |
| 30         | Hoàng Văn Toàn        | Bác sỹ                          | 0006335/PT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa                                                                                                                     | 6  | 5 |
| 31         | Hoàng Thị Khuyên      | Bác sỹ CK1- Chẩn đoán hình ảnh. | 000922/YB-CCHN  | Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền; Chứng chỉ Nội soi tiêu hóa; BS CK I chẩn đoán hình ảnh; Khám chữa bệnh đa khoa, CK chẩn đoán hình ảnh | 19 | 5 |
| 32         | Hoàng Xuân Bách       | Bác sỹ                          | 0002129/YB-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chứng chỉ Chụp đọc XQ cơ bản, siêu âm cơ xương khớp, siêu âm sản; siêu âm tổng quát; Chụp và đọc X quang cơ bản    | 26 | 5 |
| <b>II.</b> | <b>Điều dưỡng/ Hộ</b> |                                 |                 |                                                                                                                                                  |    |   |

|    | sinh/ KTV Y        |            |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |    |   |
|----|--------------------|------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|
| 33 | Vũ Thị Thanh Vân   | Điều dưỡng | 000865/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                           | 19 | 5 |
| 34 | Lý Thị Minh Hải    | Điều dưỡng | 000887/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng; Chứng chỉ kiểm soát nhiễm khuẩn                                                                                                                                                                                          | 16 | 5 |
| 35 | Hoàng Thị Khơi     | Điều dưỡng | 000884/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                           | 16 | 5 |
| 36 | Nguyễn Trung Quân  | Điều dưỡng | 003992/YB-CCHN | Thực hiện theo TT 26/2015/ TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015                                                                                                                                                                                                                                          | 3  | 5 |
| 37 | Nguyễn Thị Quyên   | Điều dưỡng | 000917/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                           | 3  | 5 |
| 38 | Hoàng Thị Minh Huệ | Điều dưỡng | 004293/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                           | 12 | 5 |
| 39 | Nông Thị Hẹn       | Điều dưỡng | 000167/YB-GPHN | Điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2  | 5 |
| 40 | Từ Thị Hòa         | Điều dưỡng | 000165/YB-GPHN | Điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2  | 5 |
| 41 | Lều Vũ Hưng        | Điều dưỡng | 000899/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng; Chứng chỉ KTV kéo nắn bó bột; Thực hiện xử trí cấp cứu chấn thương và kỹ thuật nắn chỉnh, bó bột gãy xương chi thông thường tuyến cơ sở; Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn của kỹ thuật viên chuyên ngành Gây mê hồi sức | 16 | 5 |
| 42 | Hoàng Trung Huy    | Điều       | 000871/YB-     | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng; Chứng chỉ KTV                                                                                                                                                                                                            | 16 | 5 |

TỈNH  
HUNG T  
Y T  
KHU V  
LỤC

12

|    |                        |               |                    |                                                                                                                                                                   |    |   |
|----|------------------------|---------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|
|    |                        | dưỡng         | CCHN               | Dụng cụ PT, KTV Dụng cụ mổ nội soi; KTV<br>Dụng cụ nhà mổ                                                                                                         |    |   |
| 43 | Nông Thị Hoàn          | Điều<br>dưỡng | 000897/YB-<br>CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định<br>ngạch viên chức điều dưỡng; Thực hiện các kỹ<br>thuật chuyên môn của kỹ thuật viên chuyên<br>ngành Gây mê hồi sức | 16 | 5 |
| 44 | Hoàng Thị Thảo         | Điều<br>dưỡng | 000903/YB-<br>CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định<br>ngạch viên chức điều dưỡng; Chứng chỉ<br>HSCC - Nhi; KTV dụng cụ nhà mổ; Dụng cụ<br>mổ nội soi                    | 12 | 5 |
| 45 | Nguyễn Tuấn Anh        | Điều<br>dưỡng | 003809/YB-<br>CCHN | Thực hiện theo TT 26/2015/ TTLT-BYT-<br>BNV, ngày 07/10/2015                                                                                                      | 4  | 5 |
| 46 | Lương Thị Hồng<br>Mến  | Điều<br>dưỡng | 000873/YB-<br>CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định<br>ngạch viên chức điều dưỡng                                                                                        | 12 | 5 |
| 47 | Hứa Anh Tuấn           | Điều<br>dưỡng | 000168/YB-<br>GPHN | Điều dưỡng                                                                                                                                                        | 2  | 5 |
| 48 | Hoàng Thị Thúy<br>Hằng | Điều<br>dưỡng | 000164/YB-<br>GPHN | Điều dưỡng                                                                                                                                                        | 2  | 5 |
| 49 | Hoàng Thị Kim<br>Oanh  | Điều<br>dưỡng | 000883/YB-<br>CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định<br>ngạch viên chức điều dưỡng; Chứng chỉ<br>HSCC- Nhi                                                                | 16 | 5 |
| 50 | Hoàng Thị Thấy         | Điều<br>dưỡng | 001788/YB-<br>CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định<br>ngạch viên chức điều dưỡng; Chứng chỉ<br>HSCC - Nhi                                                               | 12 | 5 |
| 51 | Trương Hữu Tình        | Điều<br>dưỡng | 000902/YB-<br>CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định<br>ngạch viên chức điều dưỡng; Chứng chỉ<br>HSCC- nhi, nội soi tiêu hóa                                              | 11 | 5 |

|    |                     |            |                 |                                                                                                      |    |   |
|----|---------------------|------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---|
| 52 | Nguyễn Thị Thanh    | Điều dưỡng | 000928/YB-CCHN  | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng; Chứng chỉ HSCC- Nhi         | 3  | 5 |
| 53 | Trịnh Thị Bình      | Điều dưỡng | 000886/YB-CCHN  | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng; Chứng chỉ HSCC              | 16 | 5 |
| 54 | Bùi Thị Mến         | Điều dưỡng | 001746/YB-CCHN  | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng; Chứng chỉ HSCC              | 12 | 5 |
| 55 | Lương Ngân Hà       | Điều dưỡng | 000876/YB-CCHN  | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng; Chứng chỉ Sơ sinh           | 15 | 5 |
| 56 | Nguyễn Thị Niềm     | Điều dưỡng | 001078/LCA-CCHN | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn của điều dưỡng trung học                                      | 14 | 5 |
| 57 | Triệu Thị Thu Huyền | Điều dưỡng | 004131/YB-CCHN  | Thực hiện theo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng cao đẳng                  | 3  | 5 |
| 58 | Nguyễn Kiều Linh    | Điều dưỡng | 000163/YB-GPHN  | Điều dưỡng                                                                                           | 2  | 5 |
| 59 | Đặng Thị Năm        | Điều dưỡng | 000906/YB-CCHN  | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng                              | 20 | 5 |
| 60 | Hoàng Thị Tú        | Điều dưỡng | 000904/YB-CCHN  | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng; Chứng chỉ điện não đồ       | 20 | 5 |
| 61 | Đỗ Thị Hương        | Điều dưỡng | 0002150/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng; Chứng chỉ Định hướng CK mắt | 18 | 5 |



1/02

|    |                     |            |                |                                                                         |    |   |
|----|---------------------|------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------|----|---|
| 62 | Nguyễn Tiến Dũng    | Điều dưỡng | 000890/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng | 16 | 5 |
| 63 | Triệu Hồng Cúc      | Điều dưỡng | 001466/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng | 16 | 5 |
| 64 | Hoàng Thị Hảo Yên   | Điều dưỡng | 000898/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng | 14 | 5 |
| 65 | Hoàng Thị Chắc      | Điều dưỡng | 000174/YB-GPHN | Điều dưỡng                                                              | 2  | 5 |
| 66 | Triệu Thị Lan       | Điều dưỡng | 000166/YB-GPHN | Điều dưỡng                                                              | 2  | 5 |
| 67 | Phạm Thị Xuyên      | Điều dưỡng | 001749/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng | 21 | 5 |
| 68 | Bế Thị Nguyễn       | Điều dưỡng | 003236/YB-CCHN | Thực hiện theo TT 26/2015/ TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015                | 9  | 5 |
| 69 | Lê Lã Duyên         | Điều dưỡng | 000905/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng | 19 | 5 |
| 70 | Lương Thị Huế       | Điều dưỡng | 001748/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng | 16 | 5 |
| 71 | Nguyễn Giao Linh    | Điều dưỡng | 001786/YB-CCHN | Thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định ngạch viên chức điều dưỡng | 15 | 5 |
| 72 | Nguyễn Thị Hoài Nam | Hộ sinh    | 000909/YB-CCHN | Thực hiện chức trách nhiệm vụ theo ngạch viên chức hộ sinh              | 28 | 5 |
| 73 | Phạm Thị Hải        | Hộ sinh    | 000910/YB-CCHN | Thực hiện chức trách nhiệm vụ theo ngạch viên chức hộ sinh              | 23 | 5 |

|    |                        |               |                 |                                                            |    |   |
|----|------------------------|---------------|-----------------|------------------------------------------------------------|----|---|
| 74 | Đào Thị Mai Hương      | Hộ sinh       | 001707/YB-CCHN  | Thực hiện chức trách nhiệm vụ theo ngạch viên chức hộ sinh | 23 | 5 |
| 75 | Dư Thị Quý Liên        | Hộ sinh       | 001754/YB-CCHN  | Thực hiện chức trách nhiệm vụ theo ngạch viên chức hộ sinh | 29 | 5 |
| 76 | Phạm Thanh Huế         | Hộ sinh       | 001753/YB-CCHN  | Thực hiện chức trách nhiệm vụ theo ngạch viên chức hộ sinh | 20 | 5 |
| 77 | Trịnh Bích Lan         | Hộ sinh       | 000877/YB-CCHN  | Thực hiện chức trách nhiệm vụ theo ngạch viên chức hộ sinh | 18 | 5 |
| 78 | Hoàng Thị Biên         | Hộ sinh       | 001735/YB-CCHN  | Thực hiện chức trách nhiệm vụ theo ngạch viên chức hộ sinh | 20 | 5 |
| 79 | Trần Thị Mai Hương     | Hộ sinh       | 001733/YB-CCHN  | Thực hiện chức trách nhiệm vụ theo ngạch viên chức hộ sinh | 20 | 5 |
| 80 | Nguyễn Thị Phụng       | Kỹ thuật viên | 001750/YB-CCHN  | KTV xét nghiệm                                             | 20 | 5 |
| 81 | Nguyễn Thị Bình Nguyên | Kỹ thuật viên | 000867/YB-CCHN  | KTV xét nghiệm                                             | 19 | 5 |
| 82 | Nguyễn Thị Thanh Loan  | Kỹ thuật viên | 000608/LCA-GPHN | Xét nghiệm y học                                           | 19 | 5 |
| 83 | Nguyễn Thu Thảo        | Kỹ thuật viên | 001616/YB-CCHN  | KTV xét nghiệm                                             | 2  | 5 |



|    |                      |               |                 |                                                                                      |    |   |
|----|----------------------|---------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----|---|
| 84 | Hứa Văn Toàn         | Kỹ thuật viên | 002801/YB-CCHN  | Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo TT 26/2015/TTLT-BYT- BNV, ngày 10/7/2021 | 10 | 5 |
| 85 | Nông Thị Nguyệt Ánh  | Kỹ thuật viên | 004114/YB-CCHN  | Chuyên khoa xét nghiệm                                                               | 4  | 5 |
| 86 | Nguyễn Thị Hồng Liên | Kỹ thuật viên | 004025/YB-CCHN  | Chuyên khoa xét nghiệm                                                               | 19 | 5 |
| 87 | Hoàng Quang Ngoạt    | Kỹ thuật viên | 002763/YB-CCHN  | KTV X quang                                                                          | 10 | 5 |
| 88 | Hoàng Minh Hiền      | Kỹ thuật viên | 004186/YB-CCHND | Kỹ thuật hình ảnh y học                                                              | 2  | 5 |